TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2024/DS-ST
Ngày: 11/3/2024
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thu H**.

2. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 501/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1976 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Hưng Hòa, xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Bà **Huỳnh Thị Ánh H**, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

- Ông **Võ Văn H1**, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Bà H là hụi viên tham gia góp 02 dây hụi do bà L làm chủ hụi gồm: Dây hụi mở ngày 20/5/2022 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi có 21 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H đã lĩnh hụi (hốt hụi) kỳ đầu tiên và dây hụi mở ngày 02/6/2022 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 22 phần, bà H tham gia 01 phần, bà H đã lĩnh hụi kỳ thứ hai. Sau khi lĩnh hụi thì bà H có

góp hụi chết đối với 02 dây hụi nhưng không đầy đủ nên bà L phải góp thay. Đến khi mãn hụi thì số tiền bà L góp thay tổng cộng là 43.500.000 đồng, bà H có viết giấy tay xác nhận nợ vào ngày 25/7/2023 (âm lịch) hứa chuyển nhượng đất ruộng trả nợ, có bà H, ông H1 (cH bà H) và anh Nhẫn (con bà H) cùng ký tên và viết họ tên. Đến ngày 25/10/2023 (âm lịch), bà H viết thêm "Giấy xác nhận thiếu tiền hụi" cũng xác định còn nợ bà L 43.500.000 đồng, hứa mỗi tháng trả 1.000.000 đồng và nếu có chuyển nhượng được đất ruộng thì trả đủ cho bà L, có bà H, ông H1 cùng ký tên và viết họ tên. Tuy nhiên, sau đó đất ruộng của bà H thì bị cơ quan thi H1nh án kê biên để thi H1nh án còn bà H thì tiếp tục hứa hẹn kéo dài mà không thực hiện việc trả tiền H1ng tháng như đã hứa.

Do bà H tham gia góp hụi, dùng số tiền lĩnh hụi để phục vụ kinh tế chung cho gia đình nên bà L yêu cầu bà H, ông H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi còn nợ 43.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị Ánh H, ông Võ Văn H1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà H, ông H1 vẫn vắng mặt không lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện của bà L, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà H, ông H1 có nơi cư trú tại ấp H, xã V, huyện Gò Công Tây nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bà H, ông H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L, bà H và ông H1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L:

Bà L yêu cầu bà H, ông H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi còn nợ 43.500.000 đồng, xuất phát từ giao dịch hụi của 02 dây hụi do bà L làm chủ hụi gồm dây hụi mở ngày 20/5/2022 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi có 21 phần, bà H tham gia 01 phần và dây hụi mở ngày 02/6/2022 (âm lịch), loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi có 22 phần, bà H tham gia 01 phần; bà H đã lĩnh hụi cả 02 dây hụi nhưng không góp đủ hụi chết. Để chứng minh cho yêu cầu của

mình bà L đã giao nộp cho Tòa án giấy viết tay đề ngày 25/7/2023 (âm lịch) có nội dung bà H nợ bà L số tiền 43.500.000 đồng, có chữ ký và viết họ tên Huỳnh Thị Ánh H, Võ Hoàng Nhẫn, Võ Văn H1 và "giấy xác nhận thiếu tiền hụi" đề ngày 25/10/2023 (âm lịch) cũng có nội dung bà H nợ bà L số tiền 43.500.000 đồng, có chữ ký và viết họ tên Huỳnh Thị Ánh H và Võ Văn H1.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ của bà L giao nộp cho bà H, ông H1. Nội dung thông báo về việc thụ lý vụ án có nêu rõ bà L yêu cầu bà H, ông H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi còn nợ nhưng bà H, ông H1 không thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của bà L. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, việc bà H còn nợ bà L số tiền hụi 43.500.000 đồng là có thật.

Bà H là người có đầy đủ năng lực H1nh vi và năng lực pháp luật, tham gia giao dịch với ý chí tự nguyện nên hợp đồng góp hụi giữa bà H và bà L là có hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên. Bà H và ông H1 là vợ cH, quá trình tố tụng bà H, ông H1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh là nợ riêng của bà H nên căn cứ vào các điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình xác định bà H, ông H1 có nghĩa vụ chung và trách nhiệm liên đới về số nợ hụi đối với bà L. Do vậy, bà L có quyền yêu cầu bà H, ông H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả hết số tiền còn nợ để bảo vệ quyền lợi cho mình là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và các điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà H, ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 471 Bộ luật dân sự; các điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Huỳnh Thị Ánh H, ông Võ Văn H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H1nh án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi H1nh án.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ánh H, ông Võ Văn H1 phải nộp 2.175.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.087.500 đồng (Một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0009018 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi H1nh án dân sự huyện Gò Công Tây.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim L, bà Huỳnh Thị Ánh H và ông Võ Văn H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi H1nh án theo quy định tại Điều 2 Luật thi H1nh án dân sự thì người được thi H1nh án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H1nh án, quyền yêu cầu thi H1nh án, tự nguyện thi H1nh án hoặc bị cưỡng chế thi H1nh án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi H1nh án dân sự; thời hiệu thi H1nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H1nh án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Bùi Thanh Phú